

Bản án số: 31/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 28-4 -2023
"Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Huệ

Ông Phan Quốc Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị ND, sinh năm 1986. Nơi đăng ký HKTT: Ấp 11B, xã DH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện tại: Ấp DB, xã DH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Có mặt;

Bị đơn: Anh Lê Văn BD, sinh năm 1977. Nơi đăng ký HKTT: Ấp BD, xã LN, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện tại: Ấp DB, xã DH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31-8-2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị ND trình bày và yêu cầu như sau:

Do quen biết, vào năm 2008 chị kết hôn với anh Lê Văn BD (có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 56/2011 cấp ngày 27/06/2011 tại UBND xã

ĐH, Huyện An Minh). Trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp nhau, về suy nghĩ và tính cách, anh BĐ không quan tâm chia sẻ với vợ con, ngày nào anh cũng đi làm rồi nhậu nhẹt tới khuya mới về nhà, không phụ giúp chị lo cho gia đình, mỗi khi hỏi tới thì vợ chồng cự cãi. Tuy vậy chị vẫn cố gắng chịu đựng nhưng mâu thuẫn gia đình ngày càng phát sinh nhiều thêm, anh ngày càng thờ ơ lạnh nhạt với vợ con, suốt ngày chỉ biết im lặng không nói tới ai. Xét thấy hiện nay tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được nữa nên chị đề nghị ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Lê Nhật LQ, sinh ngày 23/02/2009 hiện đang sống chung trong gia đình. Về tài sản và nợ chung: không có, không yêu cầu.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn BĐ; Về con: chị NĐ yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh BĐ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn BĐ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn vắng mặt nên đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định, việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX cho chị NĐ được ly hôn anh BĐ; về con: giao chị NĐ nuôi cháu LQ, anh BĐ không cấp dưỡng nuôi con; tài sản, nợ không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo giấy xác nhận ngày 31-8-2022 của Ban lãnh đạo ấp ĐB, xã ĐH cho thấy anh BĐ có nơi cư trú là ở ấp ĐB, xã ĐH, huyện An Minh nên Tòa án nhân dân huyện An Minh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh BD đều vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh BD vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh BD.

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị NĐ và anh BD chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được UBND xã ĐH, huyện An Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/6/2011 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Chị NĐ và anh BD sống chung một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, không chung sống nữa. Khi Tòa án thông báo về yêu cầu ly hôn của chị NĐ, anh BD không có ý kiến hay động tác gì để hàn gắn mà bỏ mặc; khi Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ thì anh BD vắng mặt không tham dự. Việc anh BD không có ý kiến khi nguyên đơn xin ly hôn, không tham dự phiên hòa giải, phiên tòa vừa vi phạm nghĩa vụ bị đơn vừa đánh mất cơ hội hòa giải đoàn tụ tại Tòa án. Từ đó cho thấy giữa anh chị mục đích hôn nhân đã không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị NĐ được ly hôn với anh BD.

[4] Về con chung, anh chị có 01 con chung tên Lê Nhật LQ, sinh ngày 23/02/2009, hiện đang sống chung với chị NĐ. Thấy rằng thời gian qua cháu được chăm sóc tốt và có nguyện vọng sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn; anh BD không thể hiện ý kiến gì trong việc nuôi con. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu LQ cho chị NĐ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh BD không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn do chị NĐ không có ý kiến, yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị NĐ không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí, nguyên đơn chị NĐ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 9, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Lê Thị NĐ và anh Lê Văn BĐ.

2. Về con chung: Giao con chưa thành niên tên Lê Nhật LQ, sinh ngày 23-02-2009 cho chị NĐ trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn; anh BĐ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị NĐ không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí, chị NĐ chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0001071 ngày 09-01-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, chị NĐ đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: chị NĐ có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh BĐ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- UBND X. ĐH, AM, KG;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công